

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và  
cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật;  
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;  
Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng  
5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành  
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều  
theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;  
Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính  
phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;  
Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính  
phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;  
Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều  
của Luật Thủy lợi;  
Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT;  
Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Công văn số  
2835/SNN-CCTL ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tờ trình số 192/TTr-SNN ngày 13  
tháng 9 năm 2024 và Báo cáo số 444/BC-SNN ngày 12 tháng 9 năm 2024), kèm  
theo Báo cáo kết quả thẩm định số 214/BC-STP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư  
pháp.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 65/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên thủy nông Đồng Cam; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

## QUY ĐỊNH

### Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Quyết định số: 49/2024/QĐ-UBND)

ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác theo quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi năm 2017; các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 5 Điều 19 và khoản 5 Điều 20 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có các hoạt động liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình thủy lợi khác tại quy định này bao gồm: Đập dâng, trạm bơm, kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $2 \text{ m}^3/\text{s}$  và công trình trên kênh, đường ống dẫn nước, kè, bờ bao thủy lợi và nhà quản lý công trình thủy lợi chưa được quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 40 Luật Thủy lợi năm 2017.

2. Vùng phụ cận: Là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng bao quanh công trình thủy lợi, phục vụ cho công tác bảo vệ, quản lý, khai thác công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

3. Đập dâng: Là vật kiến trúc chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu và cho phép dòng chảy tràn qua đập.

4. Trạm bơm: Là nơi đặt các thiết bị máy bơm và hệ thống thiết bị phụ trợ để bơm nước phục vụ tưới, tiêu cho nông nghiệp.

5. Kênh nổi: Là kênh dẫn nước hở, có mặt cắt ngang kênh theo thiết kế đắp nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

6. Kênh chìm: Là kênh dẫn nước hở, có mực nước thiết kế thấp hơn cao độ mặt đất tự nhiên trung bình trong phạm vi xây dựng tuyến kênh, khi xây dựng phải đào xuống dưới mặt đất tự nhiên.

7. *Lưu lượng kênh*: Là thể tích nước chảy qua một mặt cắt kênh trong một đơn vị thời gian (đơn vị  $m^3/s$ ). Lưu lượng kênh theo quy định này là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà kênh phải chuyển tải.

8. *Công trình trên kênh*: là công trình xây dựng trên hệ thống kênh để phân phối, điều tiết nước và xử lý kỹ thuật, dân sinh như cống lấy nước, cống điều tiết nước, cống tháo nước ở cuối kênh, cầu máng, cống luồn và xi phông, dốc nước và bậc nước, công trình đo nước, cầu giao thông qua kênh, tràn bên, công trình không chế bùn cát và một số loại công trình phục vụ quản lý vận hành hệ thống kênh.

9. *Đường ống dẫn nước*: Là một hệ thống các ống được thiết kế và lắp đặt để vận chuyển nước phục vụ tưới, tiêu hoặc phục vụ các nhu cầu dùng nước khác.

10. *Nhà quản lý công trình thủy lợi*: Là công trình được thiết kế và xây dựng phục vụ cho công tác quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi.

11. *Kè bảo vệ bờ sông, bờ biển*: Là công trình dùng giải pháp kỹ thuật để giữ ổn định, bảo vệ bờ sông, bờ biển trước tác động của dòng chảy, sóng và các tác động khác.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác**

1. Đối với đập dâng: Vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc cuối cùng của đập trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu. Đối với đập cấp đặc biệt tối thiểu là 300 m; đập cấp I tối thiểu là 200 m; đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m; vùng phụ cận đối với hai đầu vai đập tính từ vị trí giao cắt của đập với mặt đất tự nhiên trở ra mỗi bên tối thiểu 20 m.

2. Đối với trạm bơm và nhà quản lý công trình thủy lợi: Phạm vi vùng phụ cận là toàn bộ ranh giới khu đất đã được bàn giao quản lý, xây dựng công trình. Riêng khu vực đặt trạm bơm trên sông, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra về mỗi phía là 03 m. Đơn vị được giao quản lý khai thác có trách nhiệm xây dựng hàng rào bảo vệ hoặc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này.

3. Đối với kênh nổi:

a) Có lưu lượng từ  $0,5 m^3/s$  đến dưới  $02 m^3/s$  hoặc bề rộng đáy kênh từ 0,5 m đến 03 m, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của bờ kênh trở ra là 02 m đối với kênh đất; là 01 m đối với kênh kiên cố;

b) Có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5 m^3/s$  hoặc bề rộng đáy kênh nhỏ hơn 0,5 m, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của bờ kênh trở ra là 01 m đối với kênh đất; là 0,5 m đối với kênh kiên cố.

4. Đối với kênh chìm:

a) Có lưu lượng từ  $0,5 m^3/s$  đến dưới  $02 m^3/s$  hoặc bề rộng đáy kênh từ 0,5 m đến 03 m, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra là 02 m đối với kênh đất; là 01 m đối với kênh kiên cố;

b) Có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$  hoặc bề rộng đáy kênh nhỏ hơn  $0,5 \text{ m}$ , phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra là  $01 \text{ m}$  đối với kênh đất; là  $0,5 \text{ m}$  đối với kênh kiên cố.

5. Đối với công trình trên kênh: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài phần xây đúc hoặc phần gia cố bảo vệ cuối cùng của công trình trở ra mỗi phía một khoảng bằng phạm vi vùng phụ cận của tuyến kênh đó. Trường hợp công trình trên kênh tiếp giáp với nhiều phạm vi vùng phụ cận của tuyến kênh thì áp dụng đối với phạm vi vùng phụ cận có giá trị lớn nhất.

6. Đối với đường ống dẫn nước: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài của đường ống ra mỗi bên. Đối với đường ống dẫn lưu lượng dưới  $0,025 \text{ m}^3/\text{s}$  hoặc có đường kính trong dưới  $100 \text{ mm}$  là  $01 \text{ m}$ ; đối với đường ống dẫn lưu lượng từ  $0,025 \text{ m}^3/\text{s}$  đến dưới  $1,5 \text{ m}^3/\text{s}$  hoặc có đường kính trong từ  $100 \text{ mm}$  đến dưới  $1.000 \text{ mm}$  là  $1,5 \text{ m}$ ; đối với đường ống dẫn lưu lượng từ  $1,5 \text{ m}^3/\text{s}$  trở lên hoặc có đường kính trong từ  $1.000 \text{ mm}$  trở lên là  $02 \text{ m}$ .

7. Đối với kè bảo vệ bờ sông, bờ biển:

a) Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc hoặc gia cố cuối cùng của kè trở ra  $50 \text{ m}$  về mọi phía. Trường hợp tuyến kè bảo vệ bờ sông, bờ biển đi qua khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc hoặc gia cố cuối cùng của kè trở ra  $15 \text{ m}$ , riêng phía sông và phía biển là  $50 \text{ m}$ .

b) Trường hợp kè bảo vệ bờ sông, bờ biển được thiết kế kết hợp tuyến đê, phạm vi vùng phụ cận áp dụng theo quy định về hành lang bảo vệ đê điều của Luật Đê điều.

8. Đối với bờ bao thủy lợi: Phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái bờ bao trở ra  $05 \text{ m}$  về phía sông và về phía đồng. Trường hợp bờ bao thủy lợi kết hợp tuyến đê, phạm vi vùng phụ cận áp dụng theo quy định về hành lang bảo vệ đê điều của Luật Đê điều.

9. Phạm vi vùng phụ cận theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này ưu tiên xác định theo lưu lượng kênh. Việc xác định theo bề rộng đáy kênh áp dụng đối với trường hợp không có hồ sơ thiết kế hoặc không xác định được lưu lượng kênh.

10. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt như sau: Công trình xây đúc, công trình đất.

11. Trường hợp công trình thủy lợi đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi ngoài việc đảm bảo các quy định nêu trên, còn phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về an toàn điện.

12. Trường hợp công trình thủy lợi kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông. Việc cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ do đơn vị quản lý đường giao thông thực hiện, có sự tham gia, phối hợp của đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi và các đơn vị có liên quan, đảm bảo phù hợp theo quy định.

13. Trường hợp công trình thủy lợi nằm trong phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng: Thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ khu vực an ninh quốc phòng và các quy định liên quan.

14. Đối với những công trình thủy lợi không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi năm 2017 và Quyết định này, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo Luật Thủy lợi năm 2017 và các quy định pháp luật khác có liên quan đảm bảo phù hợp với thực tế yêu cầu công tác quản lý, khai thác và bảo vệ của từng công trình thủy lợi.

#### **Điều 5. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

Ngoài các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới quy định tại Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022, phải thực hiện cấm mốc chỉ giới đối với trường hợp sau:

1. Đối với đập của hồ chứa nước có dung tích dưới 500.000 m<sup>3</sup> hoặc đập có chiều cao dưới 10 m: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, bảo vệ khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 50 m; trường hợp gần khu đô thị, khu dân cư tập trung là 30 m.

2. Lòng hồ chứa nước có dung tích dưới 500.000 m<sup>3</sup>: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, bảo vệ khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 100 m đến 200 m, khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa 02 mốc liền nhau tối đa là 300 m.

3. Đối với trạm bơm: Trường hợp chưa xây dựng hàng rào bảo vệ thì cấm mốc tại các điểm góc theo phạm vi vùng phụ cận; trường hợp đã xây hàng rào bảo vệ thì không cấm mốc.

4. Kênh chìm có lưu lượng từ 5 m<sup>3</sup>/s trở lên hoặc chiều rộng đáy kênh từ 05 m trở lên: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, bảo vệ khoảng cách giữa 02 mốc liền nhau từ 200 m đến 300 m; trường hợp tuyến kênh đi qua khu đô thị, dân cư tập trung khoảng cách hai mốc liền nhau từ 100 m đến 150 m. Tại các điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc.

5. Cột mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giám sát,

thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

#### 2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn thủ tục giao đất, thu hồi đất, quản lý, sử dụng đất trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi.

b) Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

#### 3. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quy hoạch mạng lưới giao thông, xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, thực hiện cấm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

#### 4. Các sở, ban, ngành khác:

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

### **Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

2. Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện Quy định này.

3. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định pháp luật; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tuyên truyền, phổ biến Quy định này tại địa phương.

2. Phối hợp với Công ty TNHH một thành viên thủy nông Đồng Cam và các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để đề xuất kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Kịp thời xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền được quy định tại Luật Thủy lợi năm 2017; Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp vượt

thẩm quyền, phải báo cáo tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan có thẩm quyền để xem xét xử lý.

### **Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi**

1. Lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ công trình.
2. Tổ chức cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình; trực tiếp quản lý các mốc chỉ giới.
3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.
4. Lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý.
5. Chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, quản lý hành lang, mốc giới bảo vệ công trình. Trường hợp hành lang bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang bị vi phạm để xử lý.
6. Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Nội dung báo cáo bao gồm: Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ, xử lý vi phạm công trình thủy lợi; tình hình vi phạm và kết quả xử lý vi phạm; đánh giá kết quả đạt được trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm công trình thủy lợi; đề xuất, kiến nghị giải pháp thực hiện. Thời gian gửi báo cáo định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.
7. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm; phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện Quy định này trên địa bàn.

### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
4. Đối với phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đã thực hiện cắm mốc chỉ giới hoặc đã phê duyệt phương án cắm mốc trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện mà không phải thực hiện cắm mốc lại hoặc điều chỉnh phương án cắm mốc.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.